

Bản án số: 13/2020/HS-ST  
Ngày 28 - 9 - 2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁT HẢI, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Như Quỳnh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Hoàng Văn Lợi

Bà Nguyễn Thị Lệ

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Quang Bảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông Vũ Huy Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 14/2020/TLST-HS ngày 04 tháng 9 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2020/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 9 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Quốc T (tên gọi khác Nguyễn Văn T), sinh ngày 10-10-1984 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Thị trấn C, huyện C, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn Q và bà Vũ Thị T (đã chết); có vợ là Nguyễn Thị T, có hai con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2017; tiền án: Không, tiền sự: Không; nhân thân: năm 2003, bị Tòa án nhân dân huyện Cát Hải xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội Trộm cắp tài sản; năm 2009, bị Tòa án nhân dân huyện Cát Hải xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; năm 2017, bị Ủy ban nhân dân huyện Cát Hải ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy, năm 2017 Tòa án nhân dân huyện Cát Hải ra quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; bị tạm giữ từ ngày 01-5-2020 đến ngày 07-5-2020 chuyển tạm giam; có mặt.

- *Người bào chữa:* Bà Đoàn Thị Hê, Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Hải Phòng; có mặt

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Lê Sỹ T, sinh năm 1980; địa chỉ: Thị trấn C, huyện C, thành phố Hải Phòng; vắng mặt

- *Người làm chứng:*

Lê Sỹ T; vắng mặt,

Nguyễn Thanh T; vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 01-5-2020, Lê Sỹ T1 sử dụng số điện thoại 0868.648.626 gọi vào số máy điện thoại của bị cáo T, có số 0386.405.071 và bảo “ông lấy hộ một con”, nghĩa là T1 hỏi T mua 1 gói ma túy, T đồng ý. Giữa bị cáo và T1 không thỏa thuận về giá nhưng đều là người nghiện ma túy nên biết giá 1 gói ma túy Heroine là 200.000 đồng. Bị cáo hẹn T1 tại khu vực tổ dân phố 9, thị trấn Cát Bà, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng, T1 đưa cho bị cáo 200.000 đồng, bị cáo cầm tiền và điều khiển xe máy biển kiểm soát 15E1-02407 đến nhà người đàn ông tên T2 Võ ở tổ dân phố 6, thị trấn Cát Bà mua một gói ma túy Heroine với giá 200.000 đồng và đi đến khu vực trạm bơm thuộc tổ dân phố 7, thị trấn Cát Bà xé bớt một phần ra và sử dụng ngay, số ma túy còn lại bị cáo mang về đưa cho T1.

Đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, Lê Sỹ T1 tiếp tục gọi điện cho bị cáo và bảo “ông lấy hộ hai con”, nghĩa là T1 hỏi T mua 2 gói ma túy Heroine. T đồng ý bảo T1 cho thêm 30.000 đồng một gói, T1 đồng ý. Cả hai hẹn gặp nhau tại khu vực tổ dân phố 9, thị trấn Cát Bà, T1 đưa cho bị cáo 460.000 đồng để mua hai gói ma túy Heroine, bị cáo cầm tiền và tiếp tục đi xe máy đến nhà người đàn ông vẫn gọi T2 Võ mua 02 gói ma túy Heroine với giá 300.000 đồng và đi đến khu vực trạm bơm thuộc tổ dân phố 7, thị trấn Cát Bà, bị cáo xé bớt một ít ma túy ở 02 gói ra, gói vào mảnh giấy cất vào ví da của mình mục đích để sử dụng sau. Số ma túy còn lại bị cáo mang về đưa cho T1, khi T1 vừa nhận ma túy của bị cáo thì bị Công an huyện bắt quả tang.

Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và là người làm chứng Lê Sỹ T1 vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại cơ quan điều tra đã khai nhận: T1 có mua ma túy của bị cáo 02 lần, lần 1 là vào khoảng 10 giờ ngày 01-5-2020, T1 gọi điện thoại vào máy điện thoại của bị cáo và bảo ông hộ tôi một cái, nghĩa là bảo T bán cho 01

gói ma túy Heroine, bị cáo đồng ý và hẹn gặp T1, khi gặp nhau, T1 đưa cho bị cáo 200.000 đồng, bị cáo cầm tiền và bảo T1 đứng đợi. Khoảng 15 phút sau bị cáo quay lại và đưa cho T1 01 gói ma túy. Lần 2 là vào khoảng 15 giờ cùng ngày, T1 gọi điện cho bị cáo và bảo “ ông hộ tôi hai con” nghĩa là bảo bị cáo bán cho 02 gói ma túy Heroine. Bị cáo bảo xin thêm 30.000 đồng một con, nghĩa là 2 con thêm 60.000 đồng, T1 đồng ý. Bị cáo và T1 gặp nhau, T1 đưa cho bị cáo 460.000 đồng, bị cáo cầm tiền và đi, lát sau bị cáo quay lại và đưa cho T1 02 gói ma túy. Ngay sau đó bị cáo và T1 bị Công an huyện Cát Hải bắt quả tang và thu giữ 03 gói ma túy, 02 điện thoại di động, 01 xe máy và 240.000 đồng.

Tại Kết luận giám định số 240/KLGD-MT ngày 04-5-2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng kết luận:

Chất bột màu trắng của mẫu M1 (thu giữ của bị cáo) gửi giám định là ma túy, có khối lượng: 0,02 gam, là loại Heroine.

Chất bột màu trắng của mẫu M2 (thu giữ của Lê Sỹ T1) gửi giám định là ma túy, có khối lượng: 0,01 gam, là loại Heroine.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến khiếu nại gì về kết luận giám định của Phòng kỹ thuật Hình sự Công an thành phố Hải Phòng cũng như các quyết định và hành vi tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng.

Bản Cáo trạng số 14/CT-VKS ngày 03-9-2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng truy tố bị cáo Nguyễn Quốc T về tội: Mua bán trái phép ma túy theo điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cát Hải giữ quyền công tố và tranh luận hành vi phạm tội của bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát phân tích tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo, nhân thân và tình tiết giảm nhẹ và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; Điều 38; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc T từ 7 năm 6 tháng đến 8 năm 6 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy.

**Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.**

Về xử lý vật chứng: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự, khoản 1 và 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy hoàn lại sau giám định và 02 sim điện thoại không còn giá trị sử dụng; Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 xe máy nhãn hiệu Wave S, Biển kiểm soát 15E1-02407; 01 điện thoại Nokia 6300 màu vàng; 01 điện thoại Nokia 105 màu đen; 160.000 đồng tiền thu lợi từ việc bán ma túy. Trả lại cho bị cáo 80.000 đồng là tiền của bị cáo không liên quan đến việc phạm tội.

**Tại phiên tòa, người bào chữa có ý kiến tranh luận đối với luận tội của Viện kiểm sát:** Người bào chữa đồng ý với tội danh, và điều khoản mà Viện kiểm sát

truy tố, tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo vì: Ông nội bị cáo được tặng Huân chương kháng chiến hạng ba, huy hiệu 70 năm tuổi Đảng - là người có công với cách mạng; gia đình bị cáo thuộc hộ cận nghèo tại địa phương; mặt khác bị cáo đã tự nguyện khai báo ra hành vi phạm tội vào sáng ngày 01-5-2020, do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ tự thú quy định tại điểm r khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy, khi quyết định hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật Hình sự, để xử bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng. Bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo tại địa phương, có đơn xin miễn giảm án phí nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt tiền và miễn án phí đối với bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát không nhất trí với việc áp dụng điểm r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự vì tại Biên bản phạm tội quả tang, cả bị cáo và Nguyễn Sỹ T1 đã đồng thời khai ra hành vi phạm tội vào sáng ngày 01-5-2020. Vì vậy, đề nghị HĐXX không chấp nhận quan điểm của người bào chữa về việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ tự thú, do đó không áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự về việc xử bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận bổ sung, đồng thời thừa nhận luận tội của Viện kiểm sát về tội danh cũng như mức hình phạt là đúng. Bị cáo biết mình vi phạm pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt, tạo điều kiện để bị cáo sớm trở về đoàn tụ với gia đình làm lại cuộc đời.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

[2]. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với vật chứng, phù hợp với Cáo trạng, phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án

[3]. Về chứng cứ:

Bị cáo khai nhận, bị cáo đã thực hiện hai lần bán ma túy cho Lê Sỹ T1, lần thứ

nhất: Vào khoảng 10 giờ ngày 01-5-2020, Lê Sỹ T1 có liên lạc với bị cáo bằng điện thoại, có hỏi bị cáo mua 01 gói ma túy loại Heroine, mặc dù không thỏa thuận về giá nhưng đều là những đối tượng nghiện ma túy nên bị cáo và T1 đều biết 01 gói có giá 200.000 đồng. Bị cáo đồng ý và hẹn địa điểm với T1, sau khi lấy 200.000 đồng từ T1, bị cáo có đi mua ma túy, sau đó đến chỗ vắng người đã xé một ít trong gói ma túy mua được và sử dụng tại chỗ. Số ma túy còn lại, bị cáo gói vào và mang về cho T1.

Lần thứ 2: Vào khoảng 15 giờ cùng ngày, T1 lại liên lạc với bị cáo và hỏi mua 02 gói ma túy. Lần này, bị cáo yêu cầu T1 trả thêm tiền công là 30.000 đồng/ 1 gói, T1 đồng ý. Sau khi hẹn gặp và lấy 460.000 đồng từ T1, bị cáo lại tiếp tục đi mua ma túy. Bị cáo mua hai gói ma túy hết 300.000 đồng. Sau đó đến chỗ vắng người, bị cáo sẽ từ hai gói ma túy vừa mua được một phần và cho vào gói giấy màu trắng cất vào trong ví da với mục đích sử dụng sau. Số ma túy trong hai gói bị cáo mang về đưa cho T1.

Như vậy, hai lần bán ma túy cho T1, bị cáo đã thu lợi được 160.000 đồng tiền mặt và thu lợi được ma túy nhằm phục vụ mục đích sử dụng cho bản thân.

[4]. Bị cáo đã có hành vi hai lần bán trái phép chất ma túy thu lợi là tiền và ma túy để phục vụ mục đích sử dụng của bản thân. Hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, xâm phạm khách thể là chính sách quản lý độc quyền của Nhà nước về các chất ma túy và các chất gây nghiện. Đủ cơ sở khẳng định bị cáo phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy với tình tiết định khung là phạm tội từ 02 lần trở lên, tội phạm và hình phạt quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

[5]. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cát Hải truy tố bị cáo là có cơ sở, đúng người, đúng pháp luật.

[6]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo có ông nội được tặng Huân chương kháng chiến hạng 3 và huy hiệu 70 năm tuổi Đảng; gia đình thuộc hộ cận nghèo, bị cáo bị nhiễm HIV nhiều năm nay nên chấp nhận yêu cầu của người bào chữa, áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

Đối với quan điểm của người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ Tự thú, quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo vì bị cáo đã tự nguyện khai ra hành vi bán trái phép ma túy cho T1 vào sáng ngày 01-5-2020. Hội đồng xét xử thấy: Tại Biên bản phạm tội quả tang, cả bị cáo và T1 đều đồng thời khai nhận ngoài hành vi mua bán ma túy bị bắt quả tang, còn hành vi mua bán giữa bị cáo và T1 xảy ra vào buổi sáng cùng ngày, do

đó không chấp nhận quan điểm của người bào chữa về việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ tự thú, vì vậy không áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự quy định Quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng đối với bị cáo.

[8]. Về nhân thân bị cáo: Bị cáo có 02 tiền án đã được xóa án tích và 02 tiền sự đã hết thời hiệu, đó là bản án số 01/HS-ST ngày 21-01-2003 của bị Tòa án nhân dân huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội Trộm cắp tài sản và bản án số 25/2009/HSST của Tòa án nhân dân huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; và năm 2017, bị Ủy ban nhân dân huyện Cát Hải ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy, năm 2017 Tòa án nhân dân huyện Cát Hải ra quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Mặc dù đến thời điểm xét xử bị cáo đã được xóa án tích, tiền sự đã hết thời hiệu, tuy nhiên điều đó chứng tỏ bị cáo là người có nhân thân xấu, khó giáo dục tại cộng đồng, vì vậy khi lượng hình phải xử lý nghiêm khắc với bị cáo mới có tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[9]. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo bán ma túy với mục đích kiếm lời và đã thu lợi được từ việc bán ma túy, theo quy định của pháp luật bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, bị cáo thuộc hộ cận nghèo tại địa phương, bị cáo không có tài sản riêng, không có thu nhập nên việc áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền với bị cáo là không có hiệu quả, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[10]. Đánh giá về vật chứng, xử lý vật chứng:

Đối với 01 phong bì thư niêm phong bên trong chứa ma túy hoàn lại sau giám định, đây là loại Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành và 02 sim điện thoại là vật sử dụng vào việc phạm tội không còn giá trị sử dụng, căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 của Bộ luật Hình sự cần tịch thu, tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Nokia 6300 màu vàng, 01 điện thoại di động Nokia 105 màu đen; 01 xe máy hiệu Wave S biển kiểm soát 15E1-02407 thu giữ của bị cáo và Lê Sỹ T1, đây là vật sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[11]. Đối với 160.000 đồng tiền bị cáo có được do bán ma túy cho T1, đây là tiền thu lợi bất chính từ việc phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước. Trả lại cho bị cáo 80.000 đồng không liên quan đến việc phạm tội.

[12]. Đánh giá về những vấn đề khác:

Đối với người đàn ông đã bán ma túy cho bị cáo, bị cáo không xác định được cụ thể mua ma túy của ai nên không có cơ sở để xử lý.

Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12- 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Chấp nhận đề nghị của người bào chữa về việc miễn án phí cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 251; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc T 7 (bảy) năm 6 (sáu) tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 01-5-2020.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự, khoản 1 và khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu, tiêu hủy: Toàn bộ số ma túy mà Cơ quan Giám định hoàn lại sau giám định và 02 sim điện thoại không có giá trị sử dụng. Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 xe máy nhãn hiệu Wave S biển kiểm soát 15E1-02407, 01 điện thoại Nokia 6300 màu vàng, 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105 màu đen, 160.000 đồng. Trả lại cho bị cáo số tiền 80.000 đồng. Tất cả các vật chứng hiện đang cất giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cát Hải theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 04-9-2020 và biên lai thu tiền số 001387 ngày 04-9-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cát Hải.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo được miễn nộp tiền án phí.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào khoản 1 Điều 331, khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

#### **Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân TP Hải Phòng;
- Viện Kiểm sát nhân dân TP Hải Phòng;
- Trại giam CA TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- PV 27 Công an TP Hải Phòng;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an huyện Cát Hải;
- Công an huyện Cát Hải;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cát Hải;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cát Hải;
- Bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**Đỗ Thị Như Quỳnh**